

Số: 433/2017/QĐST-DS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ**

Căn cứ vào các Điều 48, 217, 218, khoản 1 Điều 219 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 433/2011/TLST-DS ngày 22/11/2011 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc “Tranh chấp thừa kế”;

Xét thấy, nguyên đơn bà Mai Thị Ngọc M khởi kiện bị đơn ông Mai Quang A yêu cầu được chia phần di sản thừa kế là các căn nhà tọa lạc tại số 233, 233E và 233F đường Đ, phường T, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh

Nguồn gốc căn nhà là di sản thừa kế của cha bà là ông Mai Quang T và bà Đào Thị A chết để lại.

Ông T (chết năm 2009) có vợ thứ nhất là bà Đặng Thị T (chết năm 2009) cả hai có 01 con chung là bà Mai Thị Ngọc M.

Người vợ thứ hai của ông T là bà Đào Thị A (chết năm 2004), ông Thông và bà A có 10 con chung gồm Mai Quang A, ông Mai Quang V, ông Mai Quang I, ông Mai Quang T, ông Mai Đào N, bà Mai Đào Ngọc H, bà Mai Thị Ngọc K, bà Mai Thị Ánh Y (Y Anh Mai), bà Mai Thị Ngọc P (Mai, Thi Ngoc P), ông Mai Quan Q (Mai Quan Q).

Ngày 20/11/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 3874/2017/QĐ-CLTLCC yêu cầu các đương sự trong vụ án cung cấp: Giấy khai sinh của ông Mai Quang A, ông Mai Quang V, ông Mai Quang I, ông Mai Quang T, ông Mai Đào N, bà Mai Đào Ngọc H, bà Mai Thị Ngọc K, bà Mai Thị Ánh Y (Y Anh Mai), bà Mai Thị Ngọc P (Mai, Thi Ngoc P), ông Mai Quan Q (Mai Quan Q). Tuy nhiên, không có đương sự nào trong vụ án cung cấp được tài liệu chứng cứ theo Quyết định nêu trên. Do đó, không có căn cứ để xác định hàng thừa kế.

Từ những phân tích trên, nguyên đơn bà Mai Thị Ngọc M chưa có đủ điều kiện khởi kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218 và điểm b khoản 6 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 433/2011/TLST-DS ngày 22/11/2011 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc “Tranh chấp thừa kế”, giữa:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị Ngọc M, sinh năm 1955

Địa chỉ: 753 Quốc lộ K, Khu phố D, phường P, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Mai Quang A, sinh năm 1963

Địa chỉ: 233E đường Đ, phường T, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Mai Quang V, sinh năm 1967

2. Ông Mai Quang I, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: 233F đường Đ, phường T, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Ông Mai Quang T, sinh năm 1977

4. Ông Mai Đào N, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: 233 đường Đ, phường T, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh

5. Bà Mai Đào Ngọc H, sinh năm 1972

Địa chỉ: 233E Đ, phường T, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh

6. Bà Mai Thị Ngọc K, sinh năm 1960

Địa chỉ: 121 Đường B, Cư xá A, Phường D, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh

7. Bà Mai Thị Ánh Y (Y Anh Mai), sinh năm 1957

Quốc tịch: Hoa Kỳ

Địa chỉ: 9791 ImAve GCA X, USA

8. Bà Mai Thị Ngọc P (P, Thi Ngọc Thuy), sinh năm 1970

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ: 09472116 Hr St M B F, Đức

9. Ông Mai Quan Q (Mai Quan Q), sinh năm 1975

Quốc tịch: Đức

Địa chỉ: 60389 F am Main Ro. 55, Đức

Trả lại đơn khởi kiện (và các tài liệu, chứng cứ kèm theo) cho nguyên đơn bà Mai Thị Ngọc M.

2. Hoàn lại cho nguyên đơn bà Mai Thị Ngọc M số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) theo biên lai thu số 09775 ngày 21/9/2011 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định pháp luật của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THA DS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Huỳnh Tuyết Mai